

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 5 năm 2019

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG BÉ (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2019
(Tuần từ ngày 17 tháng 5 năm 2019 đến ngày 23 tháng 5 năm 2019)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2018	Năm 2017	
Đồng Phú	52,0	436,3	+ 26,7	+ 120,8	+ 12,0	59,1
Phước Hòa	14,3	217,2	- 2,6	+ 66,9	- 32,0	23,1
Phước Long	135,5	335,0	+ 2,7	- 26,0	- 57,7	78,6
Trung bình	67,3	329,5	+ 8,9	+ 53,9	- 25,9	53,6

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích các trạm đo chính trên khu vực cao hơn TBNN 8,9%, cao hơn năm 2018 là 53,9% và thấp hơn 25,9% so với năm 2017. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Phước Long (135,5 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại trạm Phước Hòa (14,3 mm). Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 53,6 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ Suối Giai	21,3	12,34	57,93	- 25,3	- 19,8	- 33,5	Giảm	79,42
Hồ NT6	2,75	2,28	82,87	- 4,2	- 13,4	- 14,9	Giảm	100
Hồ NT9	1,97	1,47	74,86	- 7,1	- 23,2	- 19,2	Giảm	100
Hồ NT8	1,3	0,85	65,51	- 23,8	- 31,9	- 34,0	Giảm	100
Hồ NT2 - Đ7	1,74	1,57	90,01	+ 7,1	- 7,3	- 3,1	Giảm	100
Hồ Lộc Quang	5,826	3,41	58,54	- 17,8	- 17,2	- 25,3	Giảm	100
Hồ Tân Lợi	2,87	2,48	86,30	- 2,8	- 13,7	- 13,0	Giảm	100

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ Suối Ông	0,386	0,05	12,88	- 84,6	- 84,5	- 87,0	Giảm	100
Hồ Bà Um	1,58	1,04	66,05	- 23,8	- 26,0	- 33,4	Giảm	100
Hồ NT 4	2,615	2,42	92,45	+ 9,2	- 4,8	+ 6,9	Giảm	100
Đập Thọ Sơn	0,963	0,90	93,59	+ 12,9	- 3,1	+ 5,3	Giảm	100
Hồ Đồng Xoài	9,66	4,88	50,49	- 20,3	- 11,6	- 34,4	Giảm	99,61
Hồ Bù Môn	0,2	0,17	83,70	+ 21,4	+ 234,8	- 15,6	Giảm	34,78
Hồ Sa Cát	1,327	1,22	91,59	+ 10,8	- 2,8	- 5,7	Giảm	100
Hồ An Khương	2,6	1,34	51,44	- 13,3	- 20,4	- 23,4	Giảm	100
Hồ Ông Thoại	1,765	1,56	88,47	+ 10,4	- 7,0	+ 8,6	Giảm	100
Hồ Cần Đơn	165,49	131,21	79,29	- 11,2	- 19,2	- 2,3	Giảm	90,47
Trung bình/Tổng	224,342^(*)	169,18	75,41	- 9,5	- 4,2	- 19,1		90,94

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; ^(*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 224,342 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 16/5/2019 vẫn còn khá cao, tổng dung tích trữ hiện tại là 169,18 triệu m³ (đạt 75,41% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017, thấp hơn cùng kỳ so với năm 2018 và TBNN. Riêng hồ Suối Ông có dung tích trữ thấp, chỉ đạt 12,9% DTTK.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 5 của vụ Hè Thu năm 2019 của 17 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) là **5,51** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Hè Thu năm 2019				
		Diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 5 cho vụ Hè Thu (10 ⁶ m ³)
		Lúa	Rau màu	Cây CNĐN	Thủy sản	
Tổng cộng		311,4	84,30	1.229,3	23	5,51
1	Hồ Suối Giai	47,4	84,3	122,3	5	0,44
2	Hồ NT6			10		0,03
3	Hồ NT9			29		0,08
4	Hồ NT8			25		0,07
5	Hồ NT2 - Đ7			42		0,13
6	Hồ Lộc Quang	130		260	7	1,05
7	Hồ Tân Lợi			70		0,3
8	Hồ Suối Ông	10			1	0,02

TT	Tên hồ chứa	Vụ Hè Thu năm 2019				
		Diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 5 cho vụ Hè Thu (10^6 m^3)
		Lúa	Rau màu	Cây CNĐN	Thủy sản	
9	Hồ Bà Úm	4			2	0,01
10	Hồ NT 4			120		0,36
11	Đập Thọ Sơn			23		0,1
12	Hồ Đồng Xoài			44	6	1,06
13	Hồ Bù Môn					
14	Hồ Sa Cát			20		0,15
15	Hồ An Khương	120		33	2	0,29
16	Hồ Ông Thoại			31		0,22
17	Hồ Cần Đơn			400		1,2

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 5 năm 2019 (10^6 m^3)
1	Hồ Suối Giai	0,82
2	Hồ NT6	0,46
3	Hồ NT9	0,30
4	Hồ NT8	1,13
5	Hồ NT2 - Đ7	0,19
6	Hồ Lộc Quang	0,72
7	Hồ Tân Lợi	0,22
8	Hồ Suối Ông	0,03
9	Hồ Bà Úm	0,01
10	Hồ NT 4	0,80
11	Đập Thọ Sơn	0,11
12	Hồ Đồng Xoài	0,28
13	Hồ Bù Môn	4,19
14	Hồ Sa Cát	0,02
15	Hồ An Khương	0,14
16	Hồ Ông Thoại	0,37
17	Hồ Cần Đơn	324,24

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 5 cho vụ Hè Thu, kết quả dự báo tuần từ ngày 17/05/2019 đến ngày 23/05/2019 như sau:

- **17/17 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Giai, hồ NT6, hồ NT9, hồ NT8, hồ NT2-Đ7, hồ Lộc Quang, hồ Tân Lợi, hồ Suối Ông, hồ Bà Úm, hồ NT4, đập Thọ Sơn, hồ Đồng Xoài, hồ Sa Cát, hồ An Khương, hồ Ông Thoại, hồ Cần Đơn, hồ Bù Môn.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu năm 2019 từ ngày 17/5/2019 đến 23/5/2019			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Giai	57,93	259	57,33	100	259	
Hồ NT6	82,87	10	82,65	100	10	
Hồ NT9	74,86	29	74,86	100	29	
Hồ NT8	65,51	25	65,51	100	25	
Hồ NT2 - Đ7	90,01	42	90,01	100	42	
Hồ Lộc Quang	58,54	397	58,21	100	397	
Hồ Tân Lợi	86,30	70	84,92	100	70	
Hồ Suối Ông	12,88	11	12,88	100	11	
Hồ Bầu Úm	66,05	6	65,90	100	6	
Hồ NT 4	92,45	120	92,45	100	120	
Đập Thọ Sơn	93,59	23	93,59	100	23	
Hồ Đồng Xoài	50,49	50	49,16	100	50	
Hồ Bù Môn	83,70	0	83,70	100	0	
Hồ Sa Cát	91,59	20	90,66	100	20	
Hồ An Khương	51,44	155	50,56	100	155	
Hồ Ông Thoại	88,47	31	88,47	100	31	
Hồ Cản Đơn	79,29	400	84,14	100	400	
Trung bình/Tổng	75,41	1.648,0^(*)	78,83	100	1.648,0^(*)	

Ghi chú: ^(*) Giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Phước Long	Đăk Nhau – Bù Đẳng	413,6	+ 249,3	+ 7	- 55	Rủi ro hạn thấp
	Đăk O – Bù Gia Mập					
	Sơn Giang – Phước Long					
	Long Hà – Phú Riêng					
Đồng Phú	Đăkia – Bù Đốp	495,4	+ 459,1	+ 22	- 32	Rủi ro hạn thấp
	Đồng Tâm – Đồng Phú					
Trung bình		454,5	+ 354,2	+ 14	- 43	Rủi ro hạn thấp

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 14,0%, cao hơn 354,2% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Như vậy, khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
1.648	311,4	1.337					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 23/5/2019 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 176,86 triệu m³ (chiếm 78,83% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 17/17 hồ chứa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi này đến ngày 23/05/2019 không thay đổi.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 17 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Bé (vùng Đông Nam Bộ), các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 24/5/2019 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu VT.

VIỆN TRƯỞNG